**MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI VỀ THANG BẢNG LƯƠNG VÀ MỨC ĐÓNG BHXH NĂM 2024**

**1. Quy định mới về thang bảng lương 2024 doanh nghiệp Nhà nước**

Ngày 23/02/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 21/2024/NĐ-CP sửa đổi 51/2016/NĐ- CP quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và 52/2016/NĐ-CP tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Trong đó, quy định việc xây dựng thang bảng lương 2024 đối với người lao động làm việc tại công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (gọi chung là doanh nghiệp nhà nước) được áp dụng từ ngày 10/4/2024 như sau:

- Căn cứ vào tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, công ty xây dựng và ban hành thang lương, bảng lương, phụ cấp lương làm cơ sở để xếp lương, trả lương và thực hiện các chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động.

- Các mức lương trong thang lương, bảng lương, phụ cấp lương do công ty quyết định, nhưng phải đảm bảo quỹ tiền lương tính theo các mức lương trong thang lương, bảng lương, phụ cấp lương không được vượt quá quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động theo quy định tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP

- Khi xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, công ty phải tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến và công khai tại công ty trước khi thực hiện.

Việc quy định về xây dựng thang bảng lương, phụ cấp lương 2024 tại công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước giữ 100% vốn điều lệ như trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Được biết hiện hành, nội dung quy định về thang lương, bảng lương, phụ cấp lương tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP được thực hiện theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP nhưng văn bản này hết hiệu lực và đã được thay thế bởi Nghị định 145/2020/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Lao động 2019 về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Do đó, việc sửa đổi nội dung quy định này nhằm để phù hợp với chính sách và các quy định đang áp dụng hiện hành.

**2. Mức đóng BHXH năm 2024**

Mức đóng bảo hiểm xã hội năm 2024 được căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy trình ban hành kèm theo Quyết định 595/QĐ-BHXH năm 2017; Khoản 10 Điều 1 Quyết định 505/QĐ-BHXH năm 2020; Khoản 1 Điều 57 Luật Việc làm 2013 Khoản 1 Điều 7 Nghị định 146/2018/NĐ-CP và Điều 4 Nghị định 58/2020/NĐ-CP. Dựa vào căn cứ các quy định nêu trên, mức đóng BHXH năm 2024 sẽ được thực hiện như sau:

- Đối với mức đóng BHXH của người lao động:

+ Người lao động Việt Nam: Quỹ hưu trí, tử tuất: 8%; Quỹ BHTN: 1% và Quỹ BHYT: 1,5%.

+ Người lao động nước ngoài: Quỹ hưu trí, tử tuất: 8% và Quỹ BHYT: 1,5%.

Như vậy, tổng mức đóng bảo hiểm năm 2024 của người lao động là người Việt Nam là 10,5%, tổng mức đóng bảo hiểm của người lao động nước ngoài là 9,5%.

- Đối với mức đóng BHXH của người sử dụng lao động:

+ Người sử dụng lao động Việt Nam: Quỹ hưu trí, tử tuất: 14%; Quỹ  ốm đau, thai sản: 3%; Quỹ TNLĐ-BNN: 0.5% (hoặc 0.3% tùy trường hợp); Quỹ BHYT: 3% và Quỹ trợ cấp thất nghiệp: 1%

+ Người sử dụng lao động nước ngoài: Quỹ hưu trí, tử tuất: 14%; Quỹ  ốm đau, thai sản: 3%; Quỹ TNLĐ-BNN: 0.5% (hoặc 0.3% tùy trường hợp) và Quỹ BHYT: 3%.

Như vậy, tổng mức đóng của người sử dụng lao động cho người lao động là người Việt Nam là 21,5% (hoặc 21,3% tùy trường hợp), mức đóng của người sử dụng lao động cho người lao động là người nước ngoài là 20,5% (hoặc 20,3% tùy trường hợp).

***\* Mức đóng BHXH bắt buộc, BHTN, BHYT năm 2024 với người lao động Việt Nam***

Mức đóng BHXH bắt buộc năm 2024, mức đóng BHTN năm 2024, mức đóng BHYT năm 2024 với người lao động Việt Nam như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Người sử dụng lao động** | | | | | **Người lao động** | | | | |
| BHXH | | | BHTN | BHYT | BHXH | | | BHTN | BHYT |
| HT-TT | ÔĐ-TS | TNLĐ-BNN | HT-TT | ÔĐ-TS | TNLĐ-BNN |
| 14% | 3% | 0,5% | 1% | 3% | 8% | - | - | 1% | 1.5% |
| **21,5%** | | | | | **10.5%** | | | | |
| **Tổng cộng 32%** | | | | | | | | | |

Riêng đối với doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề có nguy cơ cao về TNLĐ-BNN, nếu đủ điều kiện, có văn bản đề nghị và được Bộ LĐ-TB&XH chấp thuận thì được đóng vào quỹ TNLĐ-BNN với mức thấp hơn là 0.3%.

***\* Mức đóng BHXH bắt buộc, BHTN, BHYT năm 2024 với người lao động nước ngoài***

Mức đóng BHXH bắt buộc năm 2024, mức đóng BHTN năm 2024, mức đóng BHYT năm 2024 với người lao động nước ngoài như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Người sử dụng lao động** | | | | | **Người lao động** | | | | |
| BHXH | | | BHTN | BHYT | BHXH | | | BHTN | BHYT |
| HT | ÔĐ-TS | TNLĐ-BNN | HT | ÔĐ-TS | TNLĐ-BNN |
| 14% | 3% | 0,5% | - | 3% | 8% | - | - | - | 1.5% |
| **20,5%** | | | | | **9.5%** | | | | |
| **Tổng cộng 30%** | | | | | | | | | |

Riêng đối với doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề có nguy cơ cao về TNLĐ-BNN, nếu đủ điều kiện, có văn bản đề nghị và được Bộ LĐ-TB&XH chấp thuận thì được đóng vào quỹ TNLĐ-BNN với mức thấp hơn là 0.3%.

## ****3. Tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc, BHTN, BHYT****

**\* Đối với người lao động thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định:**

Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc, BHTN, BHYT là tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc quân hàm và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có).

Riêng đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thì tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc, BHTN, BHYT là mức lương cơ sở.

**\* Đối với người lao động thực hiện chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định:**

Đối với người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc, BHTN, BHYT bao gồm:

- Mức lương: Mức lương theo công việc hoặc theo chức danh.

- Phụ cấp lương, bao gồm:

+ Các khoản phụ cấp lương để bù đắp yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động mà mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ;

+ Các khoản phụ cấp lương gắn với quá trình làm việc và kết quả thực hiện

công việc của người lao động.

- Các khoản bổ sung khác, bao gồm:

+ Các khoản bổ sung xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động và trả thường xuyên trong mỗi kỳ trả lương;

+ Các khoản bổ sung không xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động, trả thường xuyên hoặc không thường xuyên trong mỗi kỳ trả lương gắn với quá trình làm việc, kết quả thực hiện công việc của người lao động.